

Từ “bèn” trong tiếng Việt hiện đại

Lê Đông, Nguyễn Văn Chính*

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN
336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 15 tháng 01 năm 2010

Tóm tắt. Trong mối liên hệ với chủ thể hành động (actor) *bèn* thuộc phạm vi những tình thái chỉ dùng với chủ thể là con người. Sự tình gắn với *bèn* sự tình chủ động, có chủ đích, có sự kiểm soát của ý thức, ý chí. Người nói sử dụng *bèn* khi nhận thức được hoàn cảnh ít nhiều không bình thường, đáng quan tâm ở phương diện nào đó. Phạm vi hoạt động diễn hình nhất của *bèn* là trong kiểu diễn ngôn mang tính kể chuyện, trình bày lại hay nói về những sự tình mang tính thực hữu và được thực tại hóa trước so với thời điểm phát ngôn. Trong kiểu diễn ngôn đó, bản thân *bèn* và hành động sau *bèn* không thể chấp nhận được hàng loạt các chỉ tố liên quan tới thời - thể khác. Khi xét *bèn* trong sự liên quan đến phủ định. Bản thân *bèn*, nói chung rất khó chịu tác động trực tiếp của phủ định, mặc dù, phủ định có thể dùng với vị từ sau *bèn*.

1. Bài viết này, như tiêu đề của nó đã chỉ rõ, tập trung nghiên cứu về từ “bèn” trong tiếng Việt hiện đại, một từ cũng có thể gọi là “từ nhỏ bé, khiêm nhường” (melkoje slovo) theo cách gọi của Serba nhưng lại ẩn chứa nhiều khía cạnh thường bị bỏ qua trong qui tắc sử dụng nó nói riêng và cũng rất đáng quan tâm trong nghiên cứu tình thái nói chung.

Như đã biết, mấy chục năm trở lại đây, Ngôn ngữ học và cả những khuynh hướng nhất định trong lô gích - triết học, tâm lý học... ngày càng quan tâm sâu sắc hơn đến nhân tố con người trong ngôn ngữ. Do đó, các phương tiện khác nhau biểu hiện phổ tình thái đánh giá đa sắc, nhiều chiều, nhiều góc độ của ngôn ngữ trở thành một mảng tư liệu quan trọng. Chính ở đây, chúng ta thấy, bằng tình thái, thông qua tình thái, nội dung sự tình trở thành sự tình của

con người - con người đang sống trong không gian thời gian, trong những tình huống, những “trạng thái” của thế giới, con người văn hóa xã hội, con người tâm lý nhận thức và hành động ứng xử với nhau, đối thoại với nhau cũng như với chính bản thân mình. Song, cũng phải thừa nhận một thực tế là, khi nghiên cứu về tình thái, nhất là những tình thái bên trong lối vị ngữ, người ta thường tập trung nhiều hơn vào những phạm trù cơ bản (khả năng, tất yếu, mong muốn...[1] hay vào những hiện tượng nằm trong những nhóm, những ô gắn với các kiểu loại ý nghĩa phụ diễn hình của vị từ. Những phương tiện nằm ngoài phạm vi đó thường rất ít được quan tâm. Những yếu tố tình thái thuộc phạm vi này tuy là ít phổ biến hơn, thậm chí, khó xếp vào một ô nào quen thuộc, song nhiều khi lại có thể thể hiện những nét riêng biệt độc đáo trong cách nhìn, cách tri giác thế giới của một cộng đồng văn hóa - xã hội. Trong ý nghĩa của nó, có thể đan bện vào nhau nhiều yếu tố,

*ĐT: 84-915591331.

E-mail: nguyen_vanchinh87@yahoo.com

thuộc vào nhiều bình diện khác nhau, vốn chỉ bộc lộ rõ trong những điều kiện nhất định, và do đó, khi chỉ xem xét theo một bình diện nào đó, thường dễ bỏ qua những nhân tố thuộc chiều sâu hơn trong bức tranh thế giới được cấu trúc hóa, vốn làm nên cái giá trị, cái hàm lượng ngôn ngữ - văn hóa riêng của nó.

Bền, quả thực, rất ít được chú ý tới. Ngay cả trong các sách ngữ pháp, nơi mà các hiện tượng làm thành những nhóm nhỏ, có số lượng không lớn thường có nhiều điều kiện để được nhắc tới, thậm chí được miêu tả kỹ, ta cũng rất ít khi thấy các tác giả nhắc tới nó [2,3]. Đôi khi, yếu tố này lại bị giản quy - theo những điều kiện ngữ cảnh và những thông số nghĩa hạn hẹp - vào nhóm những yếu tố chỉ sự kế tiếp trong thời gian, cụ thể là chỉ một hiện tượng “diễn ra ngay tức thì” sau một hiện tượng khác [3]. Sự thực là, cái “không gian” về tổ chức cấu trúc trong đó yếu tố tình thái xuất hiện và trực tiếp tham gia vào kết hợp, nói chung có thể nhỏ hơn, ít chiều hơn nhiều so với cái không gian quan hệ cần yếu ở đó nó thực sự sống, thực sự hoạt động và phát huy hiệu quả với những phẩm chất ngữ nghĩa ngữ dụng của nó. Ở đó, không loại trừ trường hợp, có cả những yếu tố không liên hệ trực tiếp với nội dung thực thể, bản thể của sự tình được phản ánh trong nội dung mệnh đề, cũng không phải chỉ là một kiểu quan hệ lôgic đơn giản.

2. Ngữ nghĩa của *bền*, theo chúng tôi, gắn với các bình diện cơ bản cần xem xét sau đây:

- Mọi liên hệ của chủ thể với hành động thể hiện ở những đặc trưng mang tính chuyên biệt của chủ thể và của bản thân cái hành động mà anh ta thực hiện trước sự tác động của một tình huống cụ thể nào đó trong đời sống.

- Góc độ quan tâm của người nói, liên quan đến những phẩm chất có tính đánh giá ngầm ẩn.

- Nhân tố thời gian của sự tình và các sự tình, bao hàm cả những nhân tố mang đặc tính thể (thời gian bên trong) lẫn những nhân tố có

liên quan tới vai trò diễn ngôn của người nói, đặc tính diễn ngôn của lời [4].

2.1. Trước hết, có thể dễ dàng nhận thấy, cái vị trí đặc trưng, ổn định của *bền* trong mệnh đề là đứng sau yếu tố chủ thể và đứng trước một vị từ (ngữ vị từ) khác. Chủ thể tình thái và chủ thể của hành động là đồng qui chiếu. Vị trí cú pháp mang tính ổn định cao đó của *bền*, kết hợp với những đặc trưng tình thái gắn với góc nhìn của chủ thể mệnh đề, theo góc nhìn của chủ thể ấy và những nhân tố thuộc thế giới bên trong của chủ thể (ý đồ, ý chí...) như sẽ có dịp phân tích cụ thể hơn ở những phần sau, cho thấy, *bền* là một “tình thái của khung vị ngữ (hay gọi theo những hệ thuật ngữ khác là tình thái thuộc dictum, tình thái của lời phát ngôn)” [1].

Thực tế cho thấy rất rõ, *bền* thuộc phạm vi những tình thái chỉ dùng với chủ thể là con người hay ít ra cũng là những động vật đã phát triển cao. Đó không thể là yếu tố tham gia vào thế giới của những sự tình gắn với loại sự vật hoàn toàn vô tri vô giác, vô thức như *bầu trời, mặt nước, cái cây, hòn đá...* chẳng hạn. Đương nhiên điều đó cũng được thể hiện ra trong cái không gian ngữ nghĩa của các vị từ sau *bền*:

- *Thím Ba Ú bền cười.*

- *Ông Tư bền rút gối chân xuống, ôm cây đôn vào lòng.*

- *Lạ bền đưa bạn đi bẻ mít ...*

2.2. Không chỉ đặc trưng cho chủ thể con người, *bền* đánh dấu hoàn cảnh có sự thực tại hóa, sự thực hiện một điều gì mà ở đó con người là con người hành động chủ động, có chủ đích, có sự thôi thúc của động cơ, sự kiểm soát mức này mức khác của ý thức, ý chí. Hành động của chủ thể thông thường là sự phản ứng trở lại những tình huống cụ thể của đời sống đóng vai trò như là kích thích, nguyên nhân hay điều kiện của phản ứng ấy. Có thể nói, *Bền*, đó là con người nhận thức - ý chí và hành động - trong thế giới. Dòng vận động phát triển của đời sống đặt con người trước những tình huống,

những nhân tố tác động và chế định đối với con người. Con người nhận thức nó và trên cơ sở tâm lý nhận thức ấy mà hình thành chiến lược chủ động hành động của bản thân mình. Bằng cách đó, con người can thiệp, tác động vào dòng vận động của sự việc theo hướng nào đó. Các ví dụ sau đây đủ để cho chúng ta thấy cái đặc tính ổn định đó của *bền*:

- *Thấy trời sắp mưa, con bé bền lật đặt bỏ đĩa bỏ bát lấy cái áo mưa rồi chạy ra phía ngoài cánh đồng mẹ nó đang làm cỏ lúa.*

- *Anh đến chơi và ở lại ăn cơm. Tôi bền nháy đùa con gái lớn cầm cái chai đi...*

Trong hai ví dụ trên, trời sắp mưa, nhà có khách đến chơi là những tình huống cụ thể của đời sống, là nhân tố tác động và chế định hành động của chủ thể; bỏ đĩa bát lấy áo mưa chạy ra đồng, sai con đi mua rượu là những phản ứng - hệ quả phát sinh trên cơ sở nhận thức, tình cảm, mong muốn và ý chí của chủ thể trước những tình huống đó.

Chúng tôi muốn nhấn mạnh điều vừa nói trên đây, là để thấy một nhân tố riêng trong cái hàm lượng văn hóa - nhân văn của *bền*, cũng là để thấy, *bền*, do những chế định chuyên biệt của nó, về cơ bản rất khác với những yếu tố như *liền, tức thì...* Chẳng hạn, *liền*, không đòi hỏi phải nhất thiết gắn với chủ thể có ý chí chủ động là con người, cũng không đòi hỏi chuyên biệt vào sự phản ứng, có nguyên nhân, có kích thích như là tình huống có vấn đề đặt ra cho con người trong đời sống, ví dụ:

- *Cái chổi non vừa nhú ra liền phải hứng chịu ngay một cơn mưa lớn.*

- *Vừa đổ được tý nước vào thì cái phích liền bị nổ tung ra.*

- *Mới đi được một quãng trời liền đổ mưa.*

- *Ông vừa nói dứt câu, cái cây liền đổ sụp xuống.*

Không phải ngẫu nhiên mà các khoa học khác nhau lại chú ý nhiều đến hành động có chủ

đích của con người trước các tình huống của đời sống (trong các lý thuyết về lựa chọn giải pháp, lựa chọn chiến lược hành động chẳng hạn). Có thể nói chính trong cách lựa chọn giải pháp hành động ứng xử như vậy, cái phẩm chất của con người - chủ thể được bộc lộ ra nhiều nhất. Nhân thể cũng xin nói thêm rằng, khi chúng ta nghiên cứu đầy đủ hơn những tình thái loại đó thì chắc chắn có thể mở ra những vấn đề về kiểu loại hay loại hình những chiến lược ứng xử và vai trò của chủ thể được tình thái hóa trong một ngôn ngữ và giữa các ngôn ngữ, các nền văn hóa.

Gắn với chủ thể hành động có ý chí, có kiểm tra, mang tính tích cực, chủ động, *bền* không thể đi với những vị từ chỉ trạng thái tĩnh đã hình thành, những vị từ biểu thị hành động ở đó con người hoàn toàn mất sự kiểm tra, hay ngoài sự chủ động:

(*) *Bị ức chế quá, thằng bé bền đau bụng.*

(*) *Nghe ông ấy nói chán quá, nó bền buồn ngủ dúi mắt lại.*

(*) *Mải nghĩ quá hần bền xây chân sa xuống hố.*

(*) *Gặp anh tôi bền vô tình hỏi một câu.*

(*) *Bác sĩ tháo băng ra người bệnh bền thấy nhức mắt vì ánh sáng.*

(*) *Quá thương con bà mẹ bền vô tình làm mọi người phật ý bỏ về.*

(*) *Thấy mẹ khổ quá, đứa bé bền buồn bã trong lòng.*

(*) *Thấy con học giỏi, bà mẹ bền vui mừng sung sướng.*

Dĩ nhiên, người ta có thể nói: *Biết chuyện, bà mẹ bền vui mừng đi khoe khắp làng; thấy món tiền thưởng lớn bền hơn hờ nhận lời... Bền*, trong những trường hợp đó, đúng ra, gắn với hành động chủ động (*đi khoe, nhận lời*) còn *vui mừng, hơn hờ* chỉ là “phương thức”, cách thức của hành động đó.

2.3. Gắn với hành động có chủ đích mang tính phản ứng - hệ quả, trước những tình huống của đời sống (cái đóng vai trò như là kích thích - nguyên nhân), *bền* đồng thời cũng giả định những nhân tố của tâm lý, nhận thức ở chủ thể, chẳng hạn.

- Mô hình về những mối tương tác nhân quả có thể có;

- Trạng thái tri giác, nhận thức (có thể đúng hoặc sai) của chủ thể;

- Trạng thái tâm lý tình cảm của chủ thể

Những tình huống của đời sống - bao giờ cũng chỉ thông qua thế giới chủ quan ấy của chủ thể mà chuyển thành ý đồ, ý chí thực hiện hành động. Chúng gắn bó với nhau, không thể tách rời nhau, cho nên, không phải ngẫu nhiên mà chính những vị từ thuộc nhóm đó thường hay xuất hiện trong ngữ cảnh sử dụng *bền* như là nhân tố trực tiếp tác động:

- *Thấy con la đói bền bỏ dở cả công việc đi mua phở.*

- *Tưởng bạn không đến bền bỏ về*

- *Nghe thấy tiếng chó sủa bền co chân chạy*

- *Biết sắp hết giờ đến nơi bền cầm đầu mà viết*

- *Thương con quá bền giấu chồng dúi cho nó ít tiền*

- *Ghét quá bền bỏ mặc*

- *Chán quá bền bỏ đi*

- *Thông cảm với cảnh ngộ của bạn có bao nhiêu tiền trong túi bền trút ra cho bạn hết*

- *Hiếu tình thế bền vội vàng tìm cách ứng phó*

2.4. Sự quan tâm tới nhân quả, nói chung, có liên quan tới cái bất thường. Chính cái bất thường khiến người ta đặt ra những câu hỏi về nguyên nhân; nhận thức được nguyên nhân người ta xác lập được trật tự và lô gíc của thế giới. Phát ngôn chứa *bền*, xét ở phương diện đó, là nguyên nhân được nhận thức, gắn với sự chủ động xác lập trật tự và lô gíc của các sự kiện, của hành động ứng xử, trước những tình huống

“có vấn đề”. Người nói sử dụng *bền* khi nhận thức được hoàn cảnh chứa đựng cái ít nhiều không bình thường, ít nhiều đáng quan tâm ở phương diện nào đó trong xem xét lý giải tiến trình vận động của các sự kiện, đánh giá con người. Nếu chỉ là thấy hỏi trả lời như một sự tương tác bình thường không có gì đáng quan tâm thì rất khó sử dụng *bền* (? *Nghe thầy hỏi, học trả lời* *bền trả lời*) nhưng sẽ dễ dàng sử dụng nó trong một tình huống đại loại: không học bài nghe thầy hỏi *bền trả lời* liều. Những phát ngôn kiểu: “*ăn xong bền lấy tăm xỉa răng*”; *tập thể dục, ăn sáng xong bền đi làm; nhà có khách bền tiếp khách* sẽ là không thật bình thường nếu không có ngữ cảnh đủ rộng để thấy tính “có vấn đề” của tình huống, thấy cái lý do khiến người ta cần phải đặt vào tiêu điểm chú ý, cần nêu bật tính phản ứng có nguyên do đáng chú ý của hành động (so sánh với, *việc ngập đến cổ, tập thể dục, ăn sáng xong, bền đi làm ngay; nhớ lời bác sĩ dặn, ăn xong nó bền lấy tăm ra xỉa răng; đang làm việc thì nhà có khách bền bỏ ra tiếp...*)

2.5. Cuối cùng, cần nói về *bền* trong mối liên hệ với nhân tố thời gian.

2.5.1. Thời gian, những ý niệm về thời gian, có lẽ, cũng là một trong những hiện tượng thuộc loại thu hút sự quan tâm chú ý đặc biệt của con người. Do đó, nó có mặt trong nhiều hiện tượng ngôn ngữ, biểu hiện dưới những hình thức, phương tiện và chiến lược khá đa dạng. Nhiều khi, ngay với một yếu tố ngôn ngữ, cũng có nhiều bình diện cần quan tâm, nếu ta muốn hiểu sâu hơn tính riêng biệt của nó.

Nói đến *bền*, người ta nghĩ ngay đến nhân tố thời gian và thông thường, cái nhân tố ấy được hiểu là sự kế tiếp “liền ngay sau”, “ngay tức thì sau” một điều gì đó khác [5].

Có thể thấy rằng, sự có sau, thực tại hóa sau về mặt thời gian là một thuộc tính tự nhiên thường thấy trong mối liên hệ giữa cái nguyên nhân và cái hệ quả. Tuy nhiên, thực tại hóa sau

về thời gian không có nghĩa là “liền ngay sau” hay “ngay sau tức thì”. Quan sát những ví dụ sau đây ta dễ dàng nhận ra điều đó:

- *Nhận được thư thông báo về đề tài và yêu cầu của anh, tôi liền gửi qua bưu điện cho anh một bộ tài liệu dày. Dĩ nhiên là phải sau một khoảng thời gian rất dài lần mò tìm kiếm ở các thư viện khác nhau nơi tôi có dịp công tác qua.*

Bị anh xử phạt nặng chuyển ấy, bọn lâm tặc liền đốt nhà anh để trả thù. Có điều, lúc đầu không ai ngờ rằng, thủ phạm chính là bọn chúng, bởi vì, đơn trả thù được thực hiện sau đó rất lâu. Không phải vì chúng không có cơ hội thuận tiện để trả thù ngay. Giản đơn là chúng tính toán và hy vọng có thể phạm tội mà vẫn tránh được sự trừng phạt của luật pháp.

2.5.2. Một phương diện khác là sự chế định và ảnh hưởng của *bền* đến những góc nhìn sự tình trong thời gian thể hiện trong mối liên hệ với các nhân tố có tính thời thể khác. (chẳng hạn, sự hạn chế về khả năng kết hợp với các yếu tố như *đã, đang, sẽ, vừa, mới, vừa mới*; tính hạn chế trong việc “nâng cấp” sự tình từ cái thực tại hóa trong thời gian, định vị trong thời gian cụ thể thành cái có tính khái quát ngoài thời gian kiểu: (?) *một bác sĩ thực sự thương người bệnh thì thấy người bệnh đau đớn bền tận tâm chăm sóc*; (?) *Một kẻ hào hán thì giữa đường thấy chuyện bất bằng bền chẳng tha*).

Nói chung *bền* và hành động sau *bền*, đều không thể đi với *đang* [6], không thể nói những câu đại loại:

(*) *Trời đổ mưa, tôi bền đang vội vàng tìm chỗ trú tạm.*

(*) *Trời đổ mưa, tôi đang bền vội vàng tìm chỗ trú tạm.*

Dĩ nhiên, khi người ta diễn tả cái đến, cái nảy sinh hay xảy ra vào một thời điểm nào đó chỉ khi có cái sự tình làm mốc, thì không thể đồng thời lại coi nó là cái ở trong một tiến trình diễn tiến liên tục và đã diễn ra đâu đó từ trước mốc.

2.5.3. Nếu ta xem xét *bền* chỉ giới hạn trong phạm vi hoạt động diễn hình nhất của nó thì cái giới hạn về thời gian còn hẹp hơn nữa. Có thể nói, phạm vi hoạt động diễn hình nhất của *bền* là trong kiểu diễn ngôn mang tính kể chuyện, trình bày lại hay nói về những sự tình mang tính thực hữu và được thực tại hóa trước so với thời điểm phát ngôn. Thông thường, người nói, dường như tách khỏi thời điểm phát ngôn, nhập vào thể giới của sự kiện và đi theo dòng vận động phát triển, theo trình tự của sự kiện mà nói. Tiêu điểm chú ý của anh ta dường như chỉ tập trung vào những bước vận động cụ thể ở từng thời điểm cụ thể của dòng sự kiện. Trong kiểu diễn ngôn đó, bản thân *bền* và hành động sau *bền* còn không thể chấp nhận được hàng loạt các chỉ tố liên quan tới thời - thể khác, ngoài trường hợp ổn định trong ứng xử với *đang* đã nói ở trên:

(*) *Đang làm bếp thì nghe tiếng gọi. Anh đã/ sẽ/ vừa mới/ bền bỏ việc chạy lên.*

(*) *Đang làm bếp thì nghe tiếng gọi. Anh bền đã/ sẽ/ vừa mới/ bỏ việc chạy lên.*

3. Cuối cùng, để thay cho lời kết, xin nói thêm một điều đáng lưu ý liên quan đến phủ định.

Trong ngôn ngữ có những yếu tố ngôn ngữ (những từ ngữ, những cấu trúc hay những từ ngữ, cấu trúc đặt trong một điều kiện ngữ cảnh nhất định) dường như chủ yếu là được dùng để nói về cái có, cái diễn ra, xảy ra, cái được tri giác một cách trực tiếp; Nó là như thế và con người tri nhận miêu tả lại như thế, chứ không phải để dùng cho phủ định - hay nói chung, không dùng hoặc rất ít dùng cho phủ định cú pháp, phủ định miêu tả (chẳng hạn so sánh: - *Xa xa, con tàu S81 giương buồm hướng thẳng ra khơi/ (*) không xa xa, con tàu S81 giương buồm hướng thẳng ra khơi; (*) Xa xa, con tàu S81 không giương buồm hướng thẳng ra khơi*). *Bền*, cũng nằm trong phạm vi đó. Bản thân *bền*, nói chung rất khó chịu tác động trực tiếp của

phủ định, mặc dù, phủ định có thể dùng với vị từ sau *bèn*. Không thể nói: *bị đau, thằng bé không bền kêu lên*, nhưng có thể nói *bị đau nhưng thương mẹ, thằng bé bền nín lặng, không hé một lời, không kêu một tiếng*). Những khía cạnh của phủ định liên quan đến nhân tố con người trong ngôn ngữ là một vấn đề cần đi sâu nghiên cứu và bàn luận riêng. Chúng tôi xin không bàn đến ở đây. Điều đáng chú ý thêm là, trong những phát ngôn chứa *bền*, dù vị từ đi sau có thể bị phủ định, song cái phức hợp phủ định + vị từ, vẫn được tri giác như một hình thức ứng xử có chủ đích, một cách làm đặc biệt. (*bị tôi mắng, hấn bền im lặng không nói một tiếng, cũng không làm một việc gì. Hấn làm như vậy là để chống lại tôi, phản ứng lại tôi, tôi biết*).

Tài liệu tham khảo

- [1] Đỗ Hữu Châu, Ngữ pháp chức năng dưới ánh sáng của dụng học hiện nay, *Ngôn ngữ*, 1/1992 và 2/1992.
- [2] Nguyễn Tài Cẩn, *Ngữ pháp tiếng Việt* (tiếng - từ ghép - đoàn ngữ), NXB ĐH&THCN, 1976.
- [3] Phạm Hùng Việt, Trợ từ biểu thị tình thái trong tiếng Việt, *Nghiên cứu Đông Nam Á*, 1/1994.
- [4] Lê Đông, Ngữ nghĩa, ngữ dụng của hư từ tiếng Việt: Ý nghĩa đánh giá của các hư từ, *Ngôn ngữ* 2/1991.
- [5] Đái Xuân Ninh, *Hoạt động của từ tiếng Việt*, NXB KHXH, Hà Nội, 1978.
- [6] Lê Đông, Nhấn mạnh như một hiện tượng ngữ dụng và đặc trưng ngữ nghĩa - ngữ dụng của một số trợ từ nhấn mạnh trong tiếng Việt, *Ngôn ngữ*, 2/1995.

Bền” in modern Vietnamese

Le Dong, Nguyen Van Chinh

*College of Social Sciences and Humanities, VNU
336 Nguyen Trai, Thanh Xuan, Hanoi, Vietnam*

The essay researches “bền” with following aspects:

“Bền” in the relation between subject and action which is shown in specific characteristics of subject and the action itself that the speaker has implement under the impact of a concrete situation. “Bền” in this meaning belongs to modal scope which is used only with the subject of people or animals. The subject can not be things or objects

“Bền” under the point of view of the speaker concerning with expressions of hidden assessment.

“Bền” as a time factor of the actions, it expresses the immediate continuing another action. However, the realization “after” the time does not mean “immediate after” or “right after”.

Lastly, we research “bền” in the relation with negative sentences. “Bền” is rarely influenced directly of negation, even though the negation can be used with verb after “bền”.